

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 450/QĐ-ĐHKG ngày 05 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (E-COMMERCE)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

Mã ngành: 7340122

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp định hướng, tổ chức, điều hành quá trình kinh doanh thông qua các hệ thống thương mại điện tử và ứng dụng thương mại điện tử, có trách nhiệm nghề nghiệp và có ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ; có khả năng sử dụng tiếng anh, vận dụng tư duy thiết kế, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo nhằm thích ứng với nền kinh tế số và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- + PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong học tập, nghiên cứu;
- + PO2: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin; lập trình web, xây dựng website, kỹ thuật đa phương tiện và quảng cáo trực tuyến ứng dụng trong thương mại điện tử;
- + PO3: Phát triển tri thức thương mại điện tử, quản trị vào hoạt động thương mại.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- + PO4: Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh TMĐT
- + PO5: Thiết lập được năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định
- + PO6: Thiết kế, xây dựng, triển khai, vận hành hệ thống thương mại điện tử
- + PO7: Phát triển dự án kinh doanh TMĐT cho tổ chức hoặc cá nhân

1.2.3 Về thái độ

- + PO8: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập
- + PO9: Xây dựng giá trị và tư cách đạo đức tốt trong công việc và cuộc sống
- + PO10: Có khả năng khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Chuẩn đầu ra Học phần đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2 Chuẩn đầu ra Học phần ngành và chuyên ngành

PLO7: Áp dụng kiến thức về nguyên lý kinh tế, quản trị, tài chính, tiền tệ, marketing, thống kê, kế toán, thuế, định giá, đầu tư,... để hỗ trợ cho các công việc thuộc lĩnh vực kinh tế, từ đó làm nền tảng nghiên cứu các môn chuyên ngành. Sử dụng được kiến thức về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

PLO8: Vận dụng kiến thức chuyên ngành thương mại điện tử để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại điện tử như: hệ thống thanh toán điện tử, tiếng anh chuyên ngành TMĐT; quản trị logistic; quản trị chất lượng; quản trị rủi ro; quản trị thương hiệu; đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, Lập trình Web, công nghệ xây dựng Website TMĐT, kỹ thuật đa phương tiện và quảng cáo trực tuyến

PLO9: Thực hiện được các nghiệp vụ giao dịch thương mại điện tử và quản trị dự án thương mại điện tử của doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử.

PLO10: Viết được nội dung marketing và xây dựng được những chiến lược marketing phù hợp phục vụ cho hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

PLO11: Sử dụng được một phần mềm chuyên ngành để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và đề xuất được các giải pháp kinh doanh thương mại điện tử đáp ứng được sự thay đổi trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế.

PLO12: Ứng dụng được các kiến thức vào việc xử lý dữ liệu mờ, không chắc chắn, hệ hỗ trợ dự báo, ra quyết định quyết định thông qua chương trình trên máy tính, ứng dụng vào lĩnh vực kinh doanh trên không gian mạng, giúp cho con người xử lý các vấn đề phức tạp trong cuộc sống và những việc trong tương lai.

PLO13: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để quản lý dự án công nghệ thông tin trong kinh doanh: Thu thập, tìm hiểu, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ người dùng để phục vụ công tác xây dựng dự án CNTT và phát triển phần mềm, Website, phát minh, thực nghiệm và xây dựng các giải pháp mới đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế về CNTT và truyền thông tiên tiến trong việc phục vụ vào thương mại điện tử phục vụ cộng đồng và xã hội tốt hơn.

TRƯỜNG
HỌC
GIAI

PLO14: Hướng dẫn, giám sát được những người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO15: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2	x		x	x											
PO3							x	x							
PO4		x				x									
PO5			x	x											
PO6							x	x	x	x	x	x	x		
PO7					x									x	
PO8						x	x	x	x	x					x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

Khung TĐ QG PLOs	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	TC TN 1	TC TN 3	TC TN 3	TC TN 4
PLO1		x						x				x			
PLO2		x						x				x			
PLO3		x									x	x			
PLO4			x			x						x			
PLO5	x				x	x	x	x				x	x		
PLO6		x				x						x			
PLO7					x	x						x			
PLO8	x			x			x	x	x				x		x
PLO9				x				x	x					x	
PLO10				x			x						x		x
PLO11			x						x						x
PLO12	x				x	x									x
PLO13	x								x			x			
PLO14	x								x				x		
PLO15	x					x						x			



III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	83	10
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	30	5
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	43	5
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10	0
Tổng cộng:		121	107	14

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x	x											
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%																
1	Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%							x							x		
2	Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%												x		x		
3	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%														x		
Tổng cộng		121	100%																

Thy

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60

1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			36				
2.1.1 Khối kiến thức bắt buộc			31				
23	B26001	Kinh tế vi mô	3	30	0	15	45
24	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30	0	15	45
25	B27079	Thương mại điện tử	2	15	30	0	45
26	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30	0	15	45
27	B26005	Marketing căn bản	3	30	0	15	45
28	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
29	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	0	45
30	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
31	A27112	Pháp luật TMĐT	2	20	0	10	30
32	G26155	Lập trình căn bản	4	30	30	15	75
33	G26215	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật TMĐT	3	15	30	15	60
2.1.2 Kiến thức tự chọn			5				
Kiến thức tự chọn 1			3				
34	G26178	Mạng máy tính	3	15	30	15	60
35	G27197	Mạng không dây và di động	3	15	30	15	60
Kiến thức tự chọn 2			2				
36	B27083	Phân tích hành vi người tiêu dùng	2	15	0	15	30

V.
ĐINH
HỌ
ĐẠI

37	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30
38	B27185	Quan hệ công chúng	2	15	0	15	30
2.2 Kiến thức ngành			58				
2.2.1 Khối kiến thức bắt buộc			42				
39	B27176	Digital Marketing	3	30	30	0	60
40	B27186	Hệ thống Thanh toán điện tử	2	15	30	0	45
41	G27216	Cơ sở dữ liệu TMĐT	3	15	30	15	60
42	G27186	Lập trình Web	3	15	30	15	60
43	G27264	Thiết kế đồ họa cơ bản với Canva	3	15	30	15	60
44	G27195	An toàn và bảo mật thông tin	3	15	30	15	60
45	G27217	Công nghệ xây dựng Website TMĐT	3	15	30	15	60
46	B27187	Tiếng anh chuyên ngành TMĐT 1	3	30	0	15	60
47	B27188	Tiếng anh chuyên ngành TMĐT 2	3	30	0	15	60
48	B27096	Quản trị chất lượng	3	30	0	15	45
49	G27219	Kỹ thuật đa phương tiện và quảng cáo trực tuyến	3	30	30	0	60
50	B27192	Thương mại điện tử nâng cao	3	30	0	15	45
51	B27008	Quản trị tài chính	3	30	30	0	60
52	B27190	Thực tập nghề nghiệp TMĐT	4	0	180	0	180
2.2.2 Kiến thức tự chọn			5				
Kiến thức tự chọn 1			3				
53	B27077	Quản trị sự thay đổi	3	30	30	0	60
54	B27007	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 2			2				

55	B27189	Content Marketing	2	15	0	15	30
56	G27220	Hệ thống tư vấn	2	15	30	0	45
57	G27263	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	2	15	30	0	45
58	B27128	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	2	15	30	0	45
2.3 Kiến thức tốt nghiệp			10				
59	B28057	Khoá luận tốt nghiệp TMĐT	10	0	450	0	450
<i>Hoặc các học phần thay thế</i>			<i>10</i>				
60	B27115	Quản trị thương hiệu	3	30	0	15	45
61	B28025	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	30	0	15	45
62	B27081	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	15	0	15	30
63	B28055	Quản trị bán hàng	2	30	0	0	30
64	B28056	Quản trị dự án TMĐT	2	15	0	15	30
65	G27160	Khai phá dữ liệu	3	15	30	15	60
66	G27190	Xử lý dữ liệu lớn	3	15	30	15	60

Handwritten signature

Red circular stamp: KHOA QUẢN TRỊ

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.



HIỆU TRƯỞNG
KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành